

Thiết kế khung đánh giá năng lực tự học cho học sinh cấp trung học phổ thông

Phạm Văn Tính*

*ThS. NCS. Trường Đại học Đồng Tháp

Received: 02/05/2024; Accepted: 08/05/2024; Published: 14/05/2024

Abstract: Evaluating students' self-study ability has been a difficult problem for many educators in the current context of lifelong education. Stemming from that concern, this study has relied on the nature and development to propose and build a framework for assessing students' self-study ability at the high school level, to meet the requirements of the 2018 General Education Program.

Keywords: Self-study ability, competence development path, competence assessment framework.

1. Mở đầu

Đánh giá trong hoạt động giáo dục được coi là một trong những bộ phận quan trọng, không thể tách rời quá trình dạy học, nó được đặt trong mối quan hệ chính thể, toàn vẹn với các thành phần cấu trúc của quá trình dạy học như: mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học,... Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay theo xu hướng hội nhập, hướng tới nền học vấn suốt đời thì việc đánh giá năng lực tự học của người học càng trở nên cấp thiết, có ý nghĩa hơn bao giờ hết. Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết này sẽ tập trung vào đề xuất khung đánh giá năng lực tự học cho học sinh cấp Trung học phổ thông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm về tự học và năng lực tự học

Khái niệm tự học là một trong những vấn đề mang tính lịch sử, do đó định nghĩa về vấn đề này không chỉ thay đổi tùy thuộc vào cá nhân từng người viết mà trải dài qua các thời kì khác nhau, quan niệm này cũng có những thay đổi nhất định. Theo thống kê của Candy (1987) đã có ít nhất 30 khái niệm khác nhau được sử dụng đồng nghĩa với khái niệm tự học đó là: học tập độc lập, người học tự kiểm soát, học tập phi truyền thống, học tập mở, tự học, tự giáo dục, học tập tự tổ chức, tự học theo kế hoạch, tự chịu trách nhiệm về việc học, tự bắt đầu việc học, tự đặt ra câu hỏi, tự thúc đẩy, học tập cá nhân,...

Nguyễn Cảnh Toàn khi viết quyển *Quá trình dạy - Tự học* (1997), để trả lời cho câu hỏi thế nào là tự học? ông cũng đã chỉ ra cụ thể: “Tự học là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp,..) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình, rồi cả động cơ, tình cảm, cả nhân sinh quan, thế giới quan để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào

đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình”. Khi đặt **tự học** gắn với **năng lực**, có thể hiểu năng lực tự học là khả năng chủ thể tự mình suy nghĩ, chủ động trong học tập, hơn nữa năng lực tự học còn thể hiện ở khả năng biết vận dụng một cách hợp lý những kiến thức, kĩ năng, thái độ của bản thân nhằm chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến kiến thức của nhân loại thành kiến thức của riêng mình.

2.2. Đường phát triển năng lực tự học của học sinh cấp Trung học phổ thông

Đường phát triển năng lực là sự mô tả các mức độ phát triển khác nhau của mỗi năng lực mà HS cần hoặc đã đạt được Đường phát triển năng lực không có sẵn, mà GV cần phải phác họa khi thực hiện đánh giá năng lực HS. Đường phát triển năng lực được xem xét dưới hai góc độ:

Thứ nhất, đường phát triển năng lực là tham chiếu để đánh giá sự phát triển năng lực cá nhân HS. Trong trường hợp này, GV sử dụng đường phát triển năng lực như một qui chuẩn để đánh giá sự phát triển năng lực HS. Với đường phát triển năng lực này, GV cần căn cứ vào các thành tố của mỗi năng lực (chung hoặc đặc thù) trong chương trình GDPT 2018 để phác họa nó với sự mô tả là mũi tên hai chiều với hàm ý, tùy vào đối tượng nhận thức mà sự phát triển năng lực có thể bổ sung ở cả hai phía.

Thứ hai, đường phát triển năng lực là kết quả phát triển năng lực của mỗi cá nhân HS. Căn cứ vào đường phát triển năng lực (là tham chiếu), GV xác định đường phát triển năng lực cho mỗi cá nhân HS để từ đó khẳng định vị trí của HS đang ở đâu trong đường phát triển năng lực đó.

Căn cứ vào các biểu hiện của năng lực tự học của HS cấp THPT được nêu ra trong *Chương trình giáo*

đục phổ thông tổng thể (2018), chúng tôi tiến hành phác thảo đường phát triển năng lực tự học của HS cấp THPT như sau:

Mức 1. Có NL ở mức chưa đạt

Mức 2. Có NL ở mức độ đạt

Mức 3. Có NL ở mức độ khá

Mức 4. Có NL ở mức độ tốt

2.3. Đề xuất khung đánh giá mức độ phát triển năng lực tự học của học sinh cấp Trung học phổ thông

Trên cơ sở các biểu hiện và đường phát triển năng lực tự học, chúng tôi đi vào đề xuất khung đánh giá năng lực tự học của HS cấp Trung học phổ thông như sau:

Thành tố	Biểu hiện	Mô tả mức độ	
A. Xác định nhiệm vụ học tập	A1. Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đạt được	M1: Tự xác định chính xác, đầy đủ nhiệm vụ học tập một cách nhanh, nhạy M2: Tự xác định tương đối đúng nhiệm vụ học tập. M3: Tự xác định được nhiệm vụ học tập nhưng chưa đầy đủ M4: Không tự xác định được nhiệm vụ học tập mà cần được hướng dẫn	
	B1. Tìm kiếm được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau	M1: Chủ động tìm kiếm đầy đủ được nguồn tài liệu đáng tin cậy M2: Chủ động tìm kiếm nhưng chưa đầy đủ được nguồn tài liệu. M3: Có ý thức tìm kiếm nhưng nguồn tài liệu chưa đúng hoặc sai lệch với mục đích, nhiệm vụ học tập. M4: Thụ động trong việc tìm kiếm nguồn tài liệu, cần được hướng dẫn, nhắc nhở	
	B2. Đánh giá được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau	M1: Đánh giá được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập một cách kỹ lưỡng, khoa học M2: Đánh giá được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập nhưng còn tồn tại những thiếu sót M3: Đánh giá nguồn tài liệu tài một cách còn sơ sài và chỉ dựa trên cảm tính M4: Không đánh giá được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập, cần được hướng dẫn	
B. Xác định nguồn tài liệu học tập	B3. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau	M1: Biết lựa chọn chính xác được nguồn tài liệu phù hợp với yêu cầu học tập M2: Biết lựa chọn nhưng chưa đầy đủ được nguồn tài liệu phù hợp với yêu cầu học tập M3: Lựa chọn nguồn tài liệu nhưng chưa chính xác với yêu cầu học tập M4: Không biết lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với yêu cầu học tập mà cần được hướng dẫn	
	C. Ghi chép trong quá trình tự học	C1. Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.	M1: Biết ghi chép và có ý thức ghi chép thông tin một cách phù hợp để thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. M2: Biết ghi chép và có ý thức ghi chép thông tin nhưng chưa có cách ghi phù hợp, cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. M3: Chỉ ghi chép thông tin một cách sơ sài, đối phó M4: Không biết ghi chép thông tin, cần được hướng dẫn

D. Tự điều chỉnh cách học	D1. Tự nhận ra được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập	M1: Tự nhận ra chính xác những sai sót, hạn chế của bản thân M2: Tự nhận ra nhưng chưa đầy đủ những sai sót, hạn chế của bản thân M3: Tự nhận ra nhưng chưa xác định đúng những sai sót, hạn chế của bản thân M4: Không tự nhận ra được hạn chế, sai sót của bản thân, cần được hướng dẫn
	D2. Điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập	M1: Có khả năng đưa ra cách thức điều chỉnh phù hợp với những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập M2: Có khả năng điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân nhưng cách thức thực hiện chưa phù hợp M3: Có khả năng điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân nhưng không có cách thức điều chỉnh phù hợp M4: Không có khả năng điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, cần đến sự trợ giúp, hướng dẫn
E. Tự rút kinh nghiệm sau khi học	E1. Suy ngẫm cách học của mình.	M1: Có khả năng tự suy ngẫm, tự đánh giá về cách học của mình một cách toàn diện M2: Có khả năng tự suy ngẫm, tự đánh giá về cách học của mình nhưng còn một vài thiếu sót M3: Có suy ngẫm, đánh giá về cách học của mình nhưng chỉ cảm tính, chủ quan M4: Không có khả năng tự suy ngẫm, tự đánh giá về cách học của mình, cần sự hướng dẫn
	E2. Rút kinh nghiệm học tập để có thể vận dụng vào các tình huống khác	M1: Chủ động rút kinh nghiệm về những thiếu sót một cách chính xác M2: Có chủ động rút kinh nghiệm về những thiếu sót nhưng chưa đầy đủ M3: Có rút kinh nghiệm về những thiếu sót nhưng không sâu sắc và chưa chính xác M4: Không thể chủ động rút kinh nghiệm về những thiếu sót luôn cần được hướng dẫn

3. Kết luận

Tóm lại, việc đánh giá kết quả hoạt động dạy và học không thể được tiến hành một cách tùy tiện, sơ sài, hình thức mà phải được tiến hành sau khi người dạy đã nghiên cứu kỹ lưỡng, chi tiết, cụ thể những đặc điểm cũng như các cấu trúc của quá trình dạy học, bởi lẽ nó mang tính quyết định đến chất lượng cũng như ý nghĩa của các hoạt động giáo dục. Và có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng: đánh giá là một phần không thể thiếu trong hoạt động giáo dục, đào tạo, nó là một trong những thành tố quan trọng trong tiến trình dạy học và là động lực thúc đẩy giáo dục phát triển, vận động theo khuynh hướng tích cực.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, ban hành theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018. Hà Nội.
3. Nguyễn Hiến Lê (2003). *Tự học, một nhu cầu thời đại*. Nxb Văn hóa Thông tin.
4. Nguyễn Thị Lan Phương (2016), *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.